

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GIÁO DỤC QUỐC TẾ EDU TEST**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GIÁO DỤC QUỐC TẾ EDU TEST

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: EDU TEST INTERNATIONAL EDUCATION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: EDU TEST

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110667068

**3. Ngày thành lập:** 28/03/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Toà nhà số 86/61 phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0967584664

Fax:

Email: [info@edutest.vn](mailto:info@edutest.vn)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá hàng hoá)                                                                                                                                                                         | 4610     |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, hàng gốm, sứ, thủy tinh; vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác. | 4649     |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị, máy móc, dụng cụ dạy học.                                                                                                                                           | 4659     |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                                                                                        | 8220     |
| 5.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm thương mại (trừ các chương trình nhà nước cấm).                                                                                  | 8230     |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Ủy thác mua bán hàng hóa.                                                                                                                                      | 8299     |
| 7.  | Giáo dục nhà trẻ<br>(Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)                                                                                                                                               | 8511     |
| 8.  | Giáo dục mẫu giáo<br>(Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)                                                                                                                                              | 8512     |
| 9.  | Giáo dục tiểu học<br>(Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)                                                                                                                                              | 8521     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Giáo dục trung học cơ sở<br>(Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8522 |
| 11. | Giáo dục trung học phổ thông<br>(Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8523 |
| 12. | Đào tạo sơ cấp<br>(Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8531 |
| 13. | Đào tạo trung cấp<br>(Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8532 |
| 14. | Đào tạo cao đẳng<br>(Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8533 |
| 15. | Đào tạo đại học<br>(Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8541 |
| 16. | Đào tạo thạc sỹ<br>(Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8542 |
| 17. | Đào tạo tiến sỹ<br>(Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8543 |
| 18. | Giáo dục thể thao và giải trí<br>Chi tiết<br>- Dạy các môn thể thao (ví dụ như bóng chày, bóng rổ, bóng đá, v.v...);<br>- Dạy thể thao, cắm trại;<br>- Hướng dẫn cổ vũ;<br>- Dạy thể dục;<br>- Dạy cưỡi ngựa;<br>- Dạy bơi;<br>- Huấn luyện viên, giáo viên và các hướng dẫn viên thể thao chuyên nghiệp;<br>- Dạy võ thuật;<br>- Dạy chơi bài;<br>- Dạy yoga.<br>(Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép). | 8551 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | <p>Giáo dục văn hoá nghệ thuật</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dạy piano và dạy các môn âm nhạc khác;</li> <li>- Dạy hội hoạ;</li> <li>- Dạy nhảy;</li> <li>- Dạy kịch;</li> <li>- Dạy mỹ thuật;</li> <li>- Dạy nghệ thuật biểu diễn;</li> <li>- Dạy nhiếp ảnh (trừ hoạt động mang tính thương mại).</li> </ul> <p>(Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)</p>                                                                                                                                                        | 8552        |
| 20. | <p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);</li> <li>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;</li> <li>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;</li> <li>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;</li> <li>- Dạy đọc nhanh;</li> <li>- Đào tạo tự vệ;</li> <li>- Đào tạo về sự sống;</li> <li>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;</li> <li>- Dạy máy tính.</li> </ul> <p>(Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)</p> | 8559(Chính) |
| 21. | <p>Dịch vụ hỗ trợ giáo dục</p> <p>Chi tiết: Tư vấn giáo dục</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8560        |
| 22. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6201        |
| 23. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6202        |
| 24. | <p>Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính</p> <p>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6209        |
| 25. | <p>Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan</p> <p>Chi tiết: Cung cấp trực tuyến phần mềm (ứng dụng và cung cấp các dịch vụ ứng dụng)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6311        |
| 26. | <p>Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6619        |
| 27. | <p>Hoạt động tư vấn quản lý</p> <p>Chi tiết: Tư vấn quản lý, quản trị doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính và tư vấn thuế); Dịch vụ quan hệ và thông tin cộng đồng.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7020        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Quảng cáo<br>Chi tiết: Tư vấn quảng cáo, truyền thông, marketing, xây dựng và phát triển thương hiệu.                                                                                                                                                                              | 7310 |
| 29. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(loại trừ hoạt động của phóng viên ảnh)                                                                                                                                                                                                                     | 7420 |
| 30. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Tư vấn về nông học; - Tư vấn về môi trường; - Tư vấn về công nghệ khác; - Dịch vụ phiên dịch, biên dịch tài liệu và các dịch vụ thuật khác (không bao gồm dịch vụ dịch tài liệu pháp luật). | 7490 |
| 31. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                   | 4690 |
| 32. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                     | 4774 |
| 33. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                        | 5210 |
| 34. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Logistics; - Môi giới thuê tàu biển, máy bay, phương tiện vận tải bộ; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;           | 5229 |
| 35. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5820 |
| 36. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: - Cơ sở điện ảnh sản xuất phim                                                                                                                                                               | 5911 |
| 37. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5912 |
| 38. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Cơ sở điện ảnh phát hành phim                                                                                                                                                               | 5913 |
| 39. | Hoạt động chiếu phim                                                                                                                                                                                                                                                               | 5914 |
| 40. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>(Loại trừ: Hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                        | 5920 |
| 41. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                      | 7721 |
| 42. | Cho thuê băng, đĩa video                                                                                                                                                                                                                                                           | 7722 |
| 43. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                                                                                          | 7729 |
| 44. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển                                                                                                                         | 7730 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 45. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động tìm kiếm, tuyển chọn và thay thế lao động. Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (chỉ được hoạt động khi có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền); | 7810 |
| 46. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7820 |
| 47. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước                                                                                                                                                                                                       | 7830 |
| 48. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7911 |
| 49. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7912 |
| 50. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                 | 7990 |
| 51. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                              | 4741 |
| 52. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, hàng gia dụng khác. | 4759 |
| 53. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                            | 4761 |

6. **Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 2.000.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                                             | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức          | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC EDUGLOBAL | 58 Lê Văn Thiêm, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 1.020.000  | 10.200.000.000        | 51,000    | 0108942045                                                                                  |         |
|     |                                                         |                                                                                 | Tổng số           | 1.020.000  | 10.200.000.000        | 51,000    |                                                                                             |         |
|     |                                                         |                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ ĐỨC HIẾU                                             | Thôn Tam Đồng, Xã Thụy Hải, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông | 245.000    | 2.450.000.000         | 12,250    | 034092007831                                                                                |         |
|     |                                                         |                                                                                 | Tổng số           | 245.000    | 2.450.000.000         | 12,250    |                                                                                             |         |
|     |                                                         |                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                   |                                                                                                  |                   |         |               |        |              |
|---|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | VŨ NGỌC TỎI       | Số 37/67 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông | 245.000 | 2.450.000.000 | 12,250 | 036087000145 |
|   |                   |                                                                                                  | Tổng số           | 245.000 | 2.450.000.000 | 12,250 |              |
|   |                   |                                                                                                  |                   |         |               |        |              |
| 4 | TRẦN THỊ CHIÊN    | Số 30 ngách 29/12 phố Khương Hạ, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 245.000 | 2.450.000.000 | 12,250 | 035186013706 |
|   |                   |                                                                                                  | Tổng số           | 245.000 | 2.450.000.000 | 12,250 |              |
|   |                   |                                                                                                  |                   |         |               |        |              |
| 5 | BÙI THỊ THU HƯƠNG | Số 321 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 245.000 | 2.450.000.000 | 12,250 | 036180016748 |
|   |                   |                                                                                                  | Tổng số           | 245.000 | 2.450.000.000 | 12,250 |              |
|   |                   |                                                                                                  |                   |         |               |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: HÀ THI NGOC ÁNH

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 26/01/1989

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031189000313

Ngày cấp: 21/09/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: Số 37/67 Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 37/67 Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội